

ỦY BAN DÂN TỘC-BỘ
NỘI VỤ
Số: 246/2004/TTLT-
UBDT-BNV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2004

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan
chuyên môn giúp

Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương

Căn cứ Nghị định số 51/2003/NĐ-CP ngày 16/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 53/2004/NĐ-CP ngày 18/02/2004 của Chính phủ về kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân các cấp;

Liên tịch Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc ở địa phương như sau:

I- CƠ QUAN CHUYÊN MÔN GIÚP ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC

1. Vị trí, chức năng:

1.1. Cơ quan chuyên môn làm công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) được kiện toàn theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 2 của Nghị định số 53/2004/NĐ-CP ngày 18/02/2004 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 53/2004/NĐ-CP) bao gồm 3 loại hình tổ chức như sau:

- Ban Dân tộc (có con dấu, tài khoản riêng):

- Ban Dân tộc (có con dấu riêng, nhưng không có tài khoản riêng: được Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện và điều kiện làm việc);

- Sở quản lý nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực trong đó có quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc (sau đây gọi là Sở có chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc).

1.2. Ban Dân tộc hoặc Sở có chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc tại địa phương và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự uỷ quyền của Ủy ban nhân dân cùng cấp; góp phần bảo đảm sự thống nhất quản lý trong lĩnh vực công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương.

1.3. Ban Dân tộc, Sở có chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra về nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

2.1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh các quyết định, chỉ thị về lĩnh vực công tác dân tộc thuộc phạm vi quản lý;

2.2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh các chương trình, kế hoạch công tác dài hạn và hàng năm, các dự án quan trọng thuộc lĩnh vực dân tộc trên địa bàn tỉnh;

2.3. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp nhằm bảo đảm điều kiện cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, nâng cao dân trí của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh;

2.4. Hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch, dự án đã được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý;

2.5. Điều tra, nghiên cứu, tổng hợp về nguồn gốc lịch sử, sự phát triển của các dân tộc; đặc điểm, thành phần dân tộc, kinh tế, xã hội, đời sống văn hoá, phong tục tập

quán và những vấn đề khác về dân tộc trên địa bàn tỉnh theo phân công, phân cấp;

2.6. Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp, các tổ chức chính trị xã hội ở địa phương trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước về quyền dùng tiếng nói, chữ viết; về phát triển giáo dục, mở mang dân trí, ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số; về chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh;

2.7. Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp, các tổ chức chính trị xã hội ở địa phương trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, dự án, mô hình thí điểm, các chính sách ưu đãi đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng có khó khăn đặc biệt do Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Dân tộc giao;

2.8. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện chính sách của Nhà nước về bảo đảm thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, giữ gìn, tăng cường đoàn kết và tương trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc ở địa phương;

2.9. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh;

2.10. Trình Ủy ban nhân dân các biện pháp cụ thể để duy trì, bảo tồn và phát triển các tộc người trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo và tổ chức thực hiện sau khi đã được phê duyệt;

2.11. Tiếp đón, thăm hỏi đồng bào các dân tộc thiểu số; phối hợp với các cơ quan Nhà nước ở địa phương giải quyết các nguyện vọng chính đáng của đồng bào theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật;

2.12. Tổ chức các cuộc gặp gỡ giữa các dân tộc để giao lưu trao đổi kinh nghiệm nhằm tăng cường khối đoàn kết các dân tộc trong tỉnh;

2.13. Bồi dưỡng, lựa chọn những điển hình tập thể và cá nhân tiêu biểu, có uy tín là người dân tộc thiểu số ở địa phương gương mẫu thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm hạt nhân trong phong trào phát triển kinh tế, giữ gìn trật tự xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh nhân rộng, các điển hình tập thể, cá nhân tiêu biểu trên địa bàn;

- 2.14. Phối hợp thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh;
- 2.15. Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc bố trí tỷ lệ biên chế là người các dân tộc thiểu số tại chỗ trong tổng số biên chế của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân đối với những tỉnh, huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số.
- 2.16. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực công tác dân tộc thuộc phạm vi quản lý;
- 2.17. Quyết định và chỉ đạo thực hiện chương trình cải cách hành chính của cơ quan theo mục tiêu và nội dung được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;
- 2.18. Thực hiện công tác thông tin báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định với Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Dân tộc;
- 2.19. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền;
- 2.20. Quản lý tài chính, tài sản của cơ quan theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- 2.21. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

3. Cơ cấu tổ chức và biên chế

3.1. Ban Dân tộc (quy định tại Khoản 1, Điều 2 của Nghị định số 53/2004/NĐ-CP):

3.1.1. Lãnh đạo Ban:

- Ban Dân tộc có Trưởng ban và không quá 2 Phó Trưởng ban. Trưởng ban là người đứng đầu Ban, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ các hoạt động của Ban Dân tộc.
- Phó Trưởng ban là người giúp Trưởng ban phụ trách lĩnh vực công tác do Trưởng ban phân công; chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được giao.

3.1.2. Cơ cấu tổ chức bao gồm:

- Văn phòng;